TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST .
Ngày: 19 -9-2019
V/v: " Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 05 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung "*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: /2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tú A – Sinh năm: 1985 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
Bị đơn: Anh Võ Thanh T – Sinh năm: 1969 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Tú A trình bày: Chị và anh Võ Thanh T tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G chứng nhận kết hôn. Nhưng kể từ khi kết hôn, chị và anh T chung sống không một ngày được hạnh phúc. Nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cách sống, anh T có cách hành xử vũ phu. Nên chị không thể nào tiếp tục chung sống với anh T và đã bồng con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và ly thân cho đến nay. Xét thấy hôn nhân của chị và anh T không thể tiếp tục duy trì nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung, chị và anh T có một con chung tên Võ Ngọc Cao Kỳ D, sinh ngày 08/01/2019. Hiện nay, con đang sống với chị, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Về tài sản và nợ chung, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai anh Võ Thanh T, anh T xác định hôn nhân giữa anh và chị Tú A trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Đối với trình bày của chị A cho rằng anh đánh đập là không có. Tuy nhiên, đối với yêu cầu ly hôn của chị A, anh đồng

ý vì giữa anh và chị A đã bất đồng quan điểm sống với nhau, không thể nào hàn gắn duy trì cuộc sống vợ chồng. Về con anh thống nhất giữa anh và chị A có một con chung tên Võ Ngọc Cao Kỳ D, sinh ngày 08/01/2019. Hiện nay, con đang sống với chị Tú A. Anh đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Tú A nuôi không nổi thì giao con lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị Tú A cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, anh thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự trong vụ án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Tú A và anh T cưới nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn. Lúc đầu sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, ly thân nhau đến nay. Anh T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Tú Anh.Xét thấy hôn nhân của chị Tú A và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tú A khởi kiện xin ly hôn với anh T là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Võ Ngọc Cao Kỳ D, sinh ngày 08/01/2019 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị Tú A và anh T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Tú A khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Võ Thanh T nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn, nuôi con chung được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Võ Thanh T có địa chỉ cư trú tại xã N, huyện G nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Tú A và anh Võ Thanh T tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn đã được anh chị xác định mà không thể nào hàn gắn nhằm xây dựng mục đích hôn nhân lâu dài bền vững. Bản thân anh T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Tú A. Và hiện tại anh chị cũng không còn chung sống vợ chồng với nhau. Điều này chứng minh rằng anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng nên chị Tú A yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Tú A được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung, chị Tú A và anh T cùng xác định anh chị có với nhau một con chung tên Võ Ngọc Cao Kỳ D, sinh ngày 08/01/2019. Hiện nay, con đang sống

với chị T, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Anh T có ý kiến thống nhất giao con cho chị Tú A nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng. Trường hợp chị Tú A không nuôi được thì giao con lại cho anh nuôi, anh không yêu cầu chị Tú A phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Kỳ D đã được anh chị xác định là con chung nên anh chị đều phải có nghĩa vụ với con. Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: " *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*". Tính đến thời điểm xét xử, cháu Kỳ D dưới 36 tháng tuổi nên việc chị Tú A yêu cầu quyền trực tiếp nuôi con là hoàn toàn có căn cứ. Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Nên cháu Kỳ D đã được giao cho chị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng thì anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, việc anh T từ chối nghĩa vụ cấp dưỡng là không có cơ sở chấp nhận. Về mức cấp dưỡng nuôi con, chị Tú A yêu cầu anh T cấp dưỡng cháu Kỳ D 5.000.000 đồng / tháng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, chị Tú A cho rằng anh T là giám đốc của Công ty T, nên khả năng cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng / tháng là phù hợp. Xét thấy, anh T không có nghề nghiệp ổn định, mặc dù anh T hiện là giám đốc công ty T nhưng mục đích hoạt động của Công ty T chủ yếu là kinh doanh cừ tràm, mức thu lợi nhuận không ổn định và theo như chị Tú A thể hiện trong đơn khởi kiện, vợ chồng có nợ Ngân hàng. Bản thân chị T cũng không chứng minh được lợi nhuận từ việc kinh doanh của Công ty T do anh T làm giám đốc là bao nhiêu, việc kinh doanh có hiệu quả hay không? Tại ý kiến của anh T, anh xác định mức thu nhập từ việc mua bán không ổn định, có tháng chỉ được vài triệu có tháng không có, mức bình quân trung bình khoảng 4.000.000 đồng / tháng nên căn cứ để xác định mức thu nhập hàng tháng của anh T để tính mức cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị A 5.000.000 đồng / tháng là không đủ căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng nuôi con được áp theo mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử là 1.490.000 đồng và mức cấp dưỡng không được quá ½ mức lương cơ sở . Buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 745.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu Kỳ D đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tú A và anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng buộc chị Tú A phải nộp nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tú A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 01267 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Tú A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, không phải nộp thêm.

Do anh T bị buộc cấp dưỡng nuôi con, nên anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử **c**hấp nhận cho Võ Thị Tú A được ly hôn anh Võ Thanh T

2. Về con chung: Xử giao cháu Võ Ngọc Cao Kỳ D, sinh ngày 08/01/2019 cho chị Võ Thị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Võ Thanh T cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử cho đến khi cháu Kỳ D đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Tú A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Tú A đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 01267 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị Tú A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, không phải nộp thêm.

Buộc anh T phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày; Chị Tú A được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 19-9- 2019); anh T được tính kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cẩm Hương